

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN
GARMEX SAIGON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 240 /CBTT.2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019
HoChiMinh City , Aug. 29th , 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGĐCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
/ *GARMEX SAIGON CORPORATION*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District,*
HoChiMinh City
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
 - Fax: 028 - 39844746
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn giải trình kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2018 và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Báo cáo Tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2018 và năm 2019 đã được soát xét

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2019 tại đường dẫn : <http://garmexsaigon-gmc.com/quan-he-co-dong>

This information was disclosed on Company's Portal on date Aug. 29th , 2019 Available at: <http://garmexsaigon-gmc.com/quan-he-co-dong>

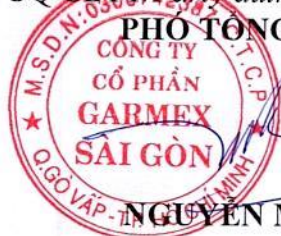
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Đại diện tổ chức/Organization representative
Người UQ CBTT/ *Party authorized to disclose information*



NGUYỄN MINH HẰNG

Số: 241/KT.CT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh

Theo quy định về việc công bố thông tin của các công ty niêm yết, Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn (GMC) xin công bố giải trình kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2018 và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất (đã được soát xét) giữa niên độ năm 2018 và năm 2019 của Công ty như sau:

I. Số liệu báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ năm 2018 hồi tố trên báo cáo soát xét giữa niên độ năm 2019 của công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Số liệu trên báo cáo kiểm toán đã phát hành giữa niên độ 2018	Số liệu trên báo cáo soát xét giữa niên độ 2019 trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
Chỉ tiêu tại Báo cáo Kết quả kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.851.630.775	79.395.650.045	39.544.019.270	Do điều chỉnh giảm khoản hoàn nhập dự phòng lương đã lập vào thời điểm cuối năm 2017 nhưng chưa chi hết vào thời điểm 30/6 năm 2018 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Nên chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.183.618.425	15.639.599.155	(39.544.019.270)	Do ảnh hưởng khoản chi phí quản lý doanh nghiệp nêu trên.



Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.081.302.447	16.537.283.177	(39.544.019.270)	Do ảnh hưởng khoản chi phí quản lý doanh nghiệp nêu trên.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	(7.908.803.854)	(7.908.803.854)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.961.523.282	15.326.307.866	(31.635.215.416)	
Chỉ tiêu tại Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	56.081.302.447	16.537.283.177	(39.544.019.270)	Do ảnh hưởng khoản điều chỉnh chi phí quản lý doanh nghiệp nêu trên
Các khoản dự phòng	(12.925.678.623)	5.618.340.647	18.544.019.270	Do điều chỉnh giảm khoản hoàn nhập dự phòng lương đã lập vào thời điểm cuối năm 2017 nhưng chưa chi hết vào thời điểm 30/6 năm 2018 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
Tăng, giảm các khoản phải trả	137.899.556.275	158.899.556.275	21.000.000.000	

II. Số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2019 trên báo cáo kiểm toán công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Số liệu trên báo cáo trước kiểm toán	Số liệu trên báo cáo kiểm toán đã phát hành	Chênh lệch	Ghi chú
Chỉ tiêu tại bảng cân đối kế toán				
Hàng tồn kho	369.950.432.087	378.471.324.092	8.520.892.005	Hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	0	225.976.514	225.976.514	Điều chỉnh do tiền thuê đất tạm nộp chờ phân bổ
Phải trả người bán ngắn hạn	284.696.371.051	293.217.263.056	8.520.892.005	Ghi nhận công nợ hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.801.610.248	14.575.633.734	(225.976.514)	Điều chỉnh do tiền thuê đất tạm nộp chờ phân bổ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	210.052.870.769	212.159.870.769	2.107.000.000	Điều chỉnh phân loại tiền vay trung hạn đến hạn phải trả sang ngắn hạn
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.695.500.000	11.588.500.000	(2.107.000.000)	Điều chỉnh Phân loại tiền vay trung hạn đến hạn phải trả sang ngắn hạn
Chỉ tiêu tại Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ				
Tăng, giảm các khoản phải thu	76.490.000.057	76.264.023.543	(225.976.514)	Điều chỉnh do tiền thuê đất tạm nộp chờ phân bổ
Tăng, giảm hàng tồn kho	(101.758.130.731)	(110.279.022.736)	8.520.892.005	Hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB
Tăng, giảm các khoản phải trả	44.803.112.857	53.720.024.490	(8.916.911.633)	Ghi nhận công nợ hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB,
Tiền lãi vay đã trả	(4.623.907.375)	(4.789.494.164)	165.586.789	Do điều chỉnh khoản lãi phải trả
Tiền thu từ đi vay	661.032.034.766	661.137.480.682	(105.445.916)	Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá
Tiền trả nợ gốc vay	(775.482.706.327)	(775.588.152.243)	105.445.916	Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	0	(4.456.325)	4.456.325	Chi trả cổ tức của các năm trước của cổ đông chưa lưu ký.

III. Số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2018 hồi tố trên báo cáo soát xét hợp nhất:

Chỉ tiêu	Số liệu trên báo cáo kiểm toán đã phát hành giữa niên độ 2018	Số liệu trên báo cáo soát xét giữa niên độ 2019 trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
Chỉ tiêu tại Báo cáo Kết quả kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.945.826.726	82.945.826.726	31.000.000.000	Do điều chỉnh giảm khoản hoàn nhập dự phòng lương đã lập vào thời điểm cuối năm 2017 nhưng chưa chi hết vào thời điểm 30/6 năm 2018 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Nên chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	54.464.646.811	21.464.646.811	(31.000.000.000)	Do ảnh hưởng khoản chi phí quản lý doanh nghiệp nêu trên.
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.439.597.606	24.439.597.606	(31.000.000.000)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.574.289.725)	(8.024.289.725)	(5.450.000.000)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.468.261.986	21.918.261.986	(25.550.000.000)	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	47.940.207.130	22.390.207.130	(25.550.000.000)	
Chỉ tiêu tại Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	55.439.597.606	24.439.597.606	(31.000.000.000)	Do ảnh hưởng khoản chi phí quản lý doanh nghiệp nêu trên
Tăng, giảm các khoản phải trả	137.757.746.390	167.757.746.390	31.000.000.000	Do điều chỉnh giảm khoản hoàn nhập dự phòng lương đã lập vào thời điểm cuối năm 2017 nhưng chưa chi hết vào thời điểm 30/6 năm 2018.

IV.Số liệu báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2019 hợp nhất:

Chỉ tiêu	Số liệu trên báo cáo trước soát xét	Số liệu trên báo cáo soát xét	Chênh lệch	Ghi chú
Chỉ tiêu tại bảng cân đối kế toán				
Tiền	93.619.103.064	93.759.242.033	140.138.969	Điều chỉnh do khoản thanh toán bằng séc của công ty tại Mỹ chưa được ghi nợ tại ngân hàng.
Hàng tồn kho	383.142.082.119	391.662.974.124	8.520.892.005	Hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB
Chi phí trả trước ngắn hạn	176.763.733	434.877.335	250.113.602	Điều chỉnh do phân loại từ công cụ dụng cụ
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	0	225.976.514	225.976.514	Điều chỉnh do tiền thuê đất tạm nộp chờ phân bổ
Chi phí trả trước dài hạn	22.176.545.259	21.918.431.657	250.113.602	Điều chỉnh do phân loại công cụ dụng cụ
Phải trả người bán ngắn hạn	204.997.538.768	213.659.173.269	8.661.634.501	Ghi nhận công nợ hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB và điều chỉnh do khoản thanh toán bằng séc của công ty tại Mỹ chưa được ghi nợ tại ngân hàng.
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.801.610.248	14.575.633.734	(225.976.514)	Điều chỉnh do tiền thuê đất tạm nộp chờ phân bổ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	210.052.870.769	212.159.870.769	2.107.000.000	Điều chỉnh Phân loại tiền vay trung hạn đến hạn phải trả sang ngắn hạn
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.695.500.000	11.588.500.000	(2.107.000.000)	

Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.295.760.775)	(1.296.364.302)	(603.527)	Điều chỉnh đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tiền tại công ty con.
Chỉ tiêu tại Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ				
Khấu hao TSCĐ và HMTSCĐ	13.977.787.372	13.977.705.677	(81.695)	Đánh giá khoản đầu tư có gốc ngoại tệ tại công ty con.
Tăng, giảm các khoản phải thu	65.909.048.592	65.697.700.142	(211.348.450)	Đánh giá khoản đầu tư có gốc ngoại tệ tại công ty con và điều chỉnh lại thuế TNDN
Tăng, giảm hàng tồn kho	(80.168.817.097)	(88.646.196.012)	(8.477.378.915)	Hàng đang đi trên đường theo điều khoản mua hàng FOB, chênh lệch tỷ giá
Tăng, giảm các khoản phải trả	54.166.246.025	63.281.792.569	715.773.693	Đánh giá khoản đầu tư có gốc ngoại tệ tại công ty con và điều chỉnh lại thuế TNDN, công nợ chưa trả khi mua sắm TSCĐ
Tăng, giảm chi phí trả trước	3.474.122.846	4.189.896.539	715.773.693	Đánh giá khoản đầu tư có gốc ngoại tệ tại công ty con và điều chỉnh lại thuế TNDN, công nợ chưa trả khi mua sắm tài sản cố định.
Tiền lãi vay đã trả	(4.623.907.375)	(4.789.494.164)	165.586.789	Do điều chỉnh khoản lãi phải trả
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(1.304.795.393)	(2.154.831.530)	(850.036.137)	Điều chỉnh phân loại lại TSCĐ không đủ điều kiện sang CCDC phân bổ dần và khoản công nợ mua sắm tài sản cố định.

V. Giải trình chênh lệch đối với lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính giữa hai kỳ báo cáo giữa niên độ năm 2018 và giữa niên độ năm 2019 tại báo cáo kiểm toán công ty mẹ, hợp nhất:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
LNST công ty mẹ	64.958.368.974	15.326.307.866	49.632.061.108	323,84
LNST hợp nhất	50.107.533.419	21.918.261.986	28.189.271.433	128,61

- Giải trình nguyên nhân biến động kết quả kinh doanh giữa niên độ năm 2019 (Công ty mẹ):
 - Lợi nhuận sau thuế giữa niên độ năm 2019 tăng 49.632.061.108 đồng, tỷ lệ 323,84 % so với giữa niên độ năm 2018 nguyên nhân chủ yếu là do:
 - Doanh thu thuần giảm 43.155.688.896 đồng do công ty cơ cấu danh mục khách hàng, cắt giảm hoạt động kinh doanh bán hàng theo phương thức DDP của nhãn hàng Gramicci nên doanh thu giảm.
 - Tổng Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 108.165.433.557 đồng do giảm chi phí bán hàng theo phương thức DDP nên chi phí vận chuyển giảm đồng thời công ty tăng năng suất nên tiết kiệm được các chi phí hỗ trợ lương cho người lao động, chi phí lương ngoài giờ nên chi phí giảm.
- Giải trình nguyên nhân biến động kết quả kinh doanh giữa niên độ Năm 2019 (Hợp nhất):
 - Lợi nhuận sau thuế giữa niên độ của năm 2019 tăng 28.189.271.433 đồng, tỷ lệ tăng 128,61% so với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu là do:
 - Doanh thu thuần giảm 57.191.175.455 đồng do công ty cơ cấu danh mục khách hàng, cắt giảm hoạt động kinh doanh bán hàng theo phương thức DDP của nhãn hàng Gramicci nên doanh thu giảm.
 - Tổng Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 100.500.910.127 đồng do giảm chi phí bán hàng theo phương thức DDP nên chi phí vận chuyển giảm đồng thời công ty tăng năng suất nên tiết kiệm được các chi phí hỗ trợ lương cho người lao động, chi phí lương ngoài giờ, giảm giá vốn hàng tồn kho do đã dự phòng giảm giá vào cuối năm 2018 và cắt giảm mảng hoạt động của chi nhánh công ty con tại Mỹ nên chi phí giảm.

Công Ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn kính gửi đến quý cơ quan nội dung giải trình như trên.

- Nơi nhận:
Như trên.



LÊ HÙNG

T.C.P.